

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 1 đến 10/4/2026)

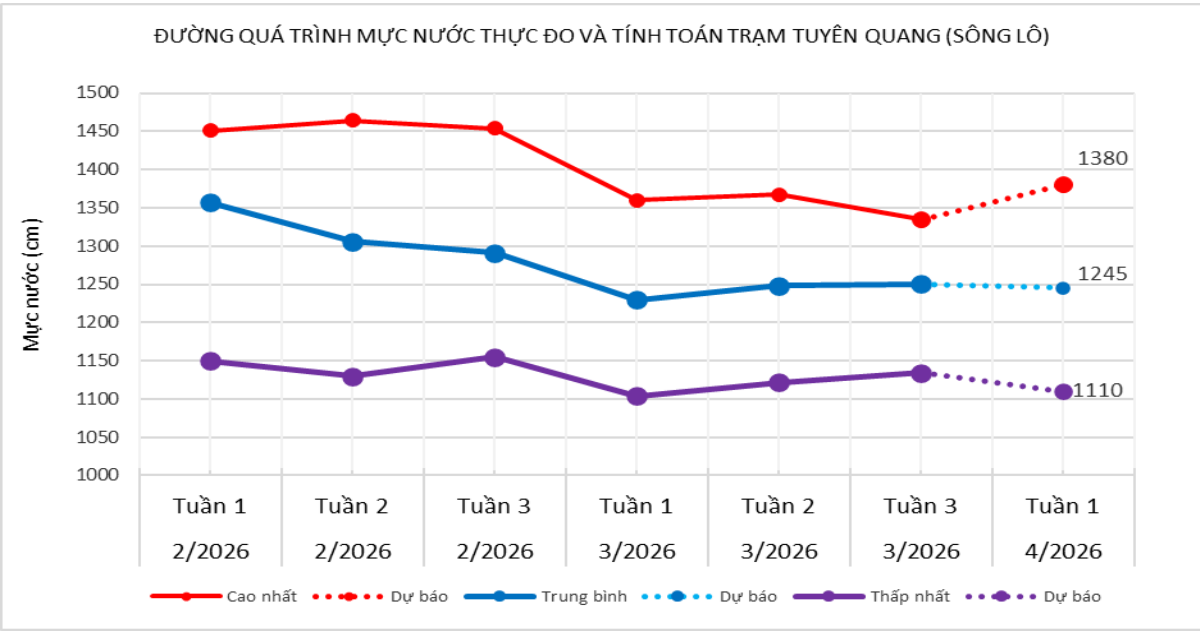
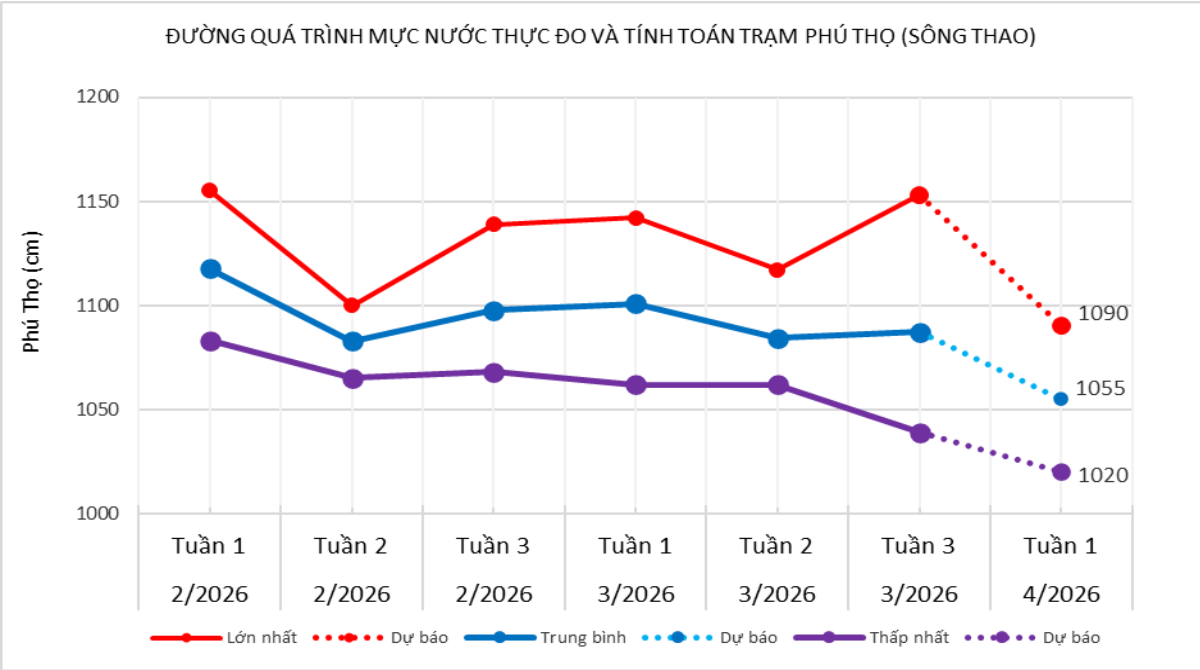
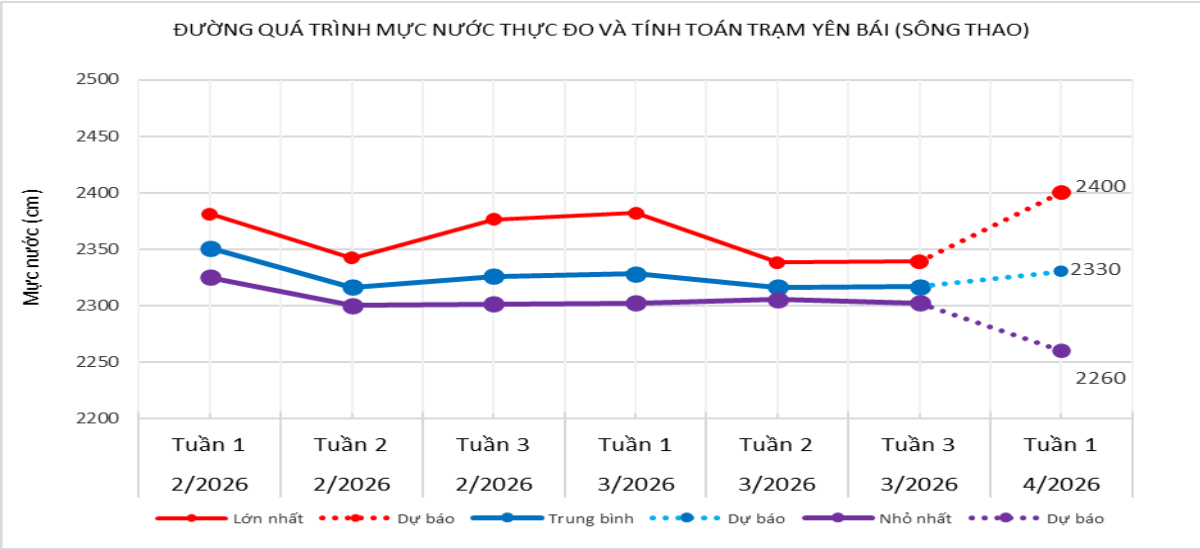
1. Lưu vực sông Hồng

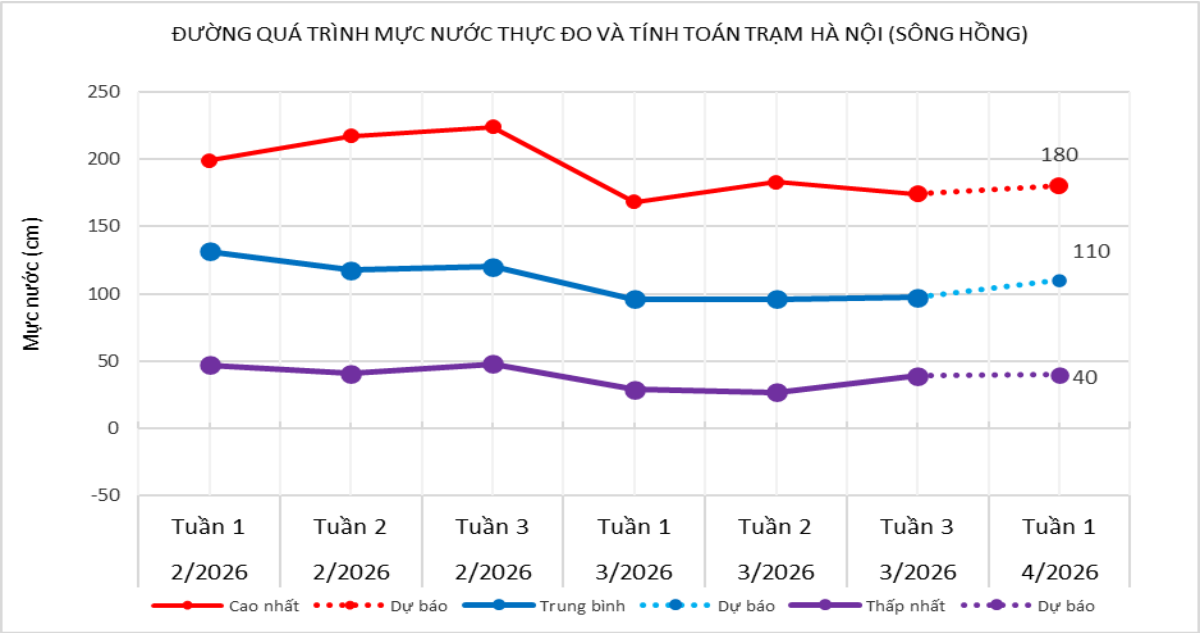
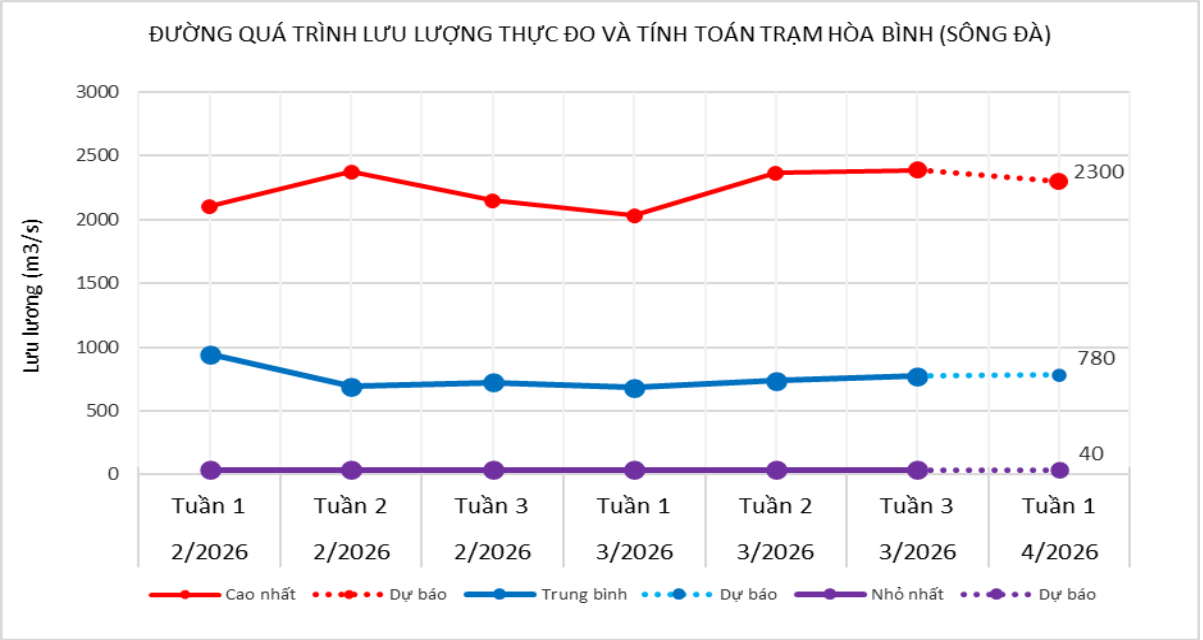
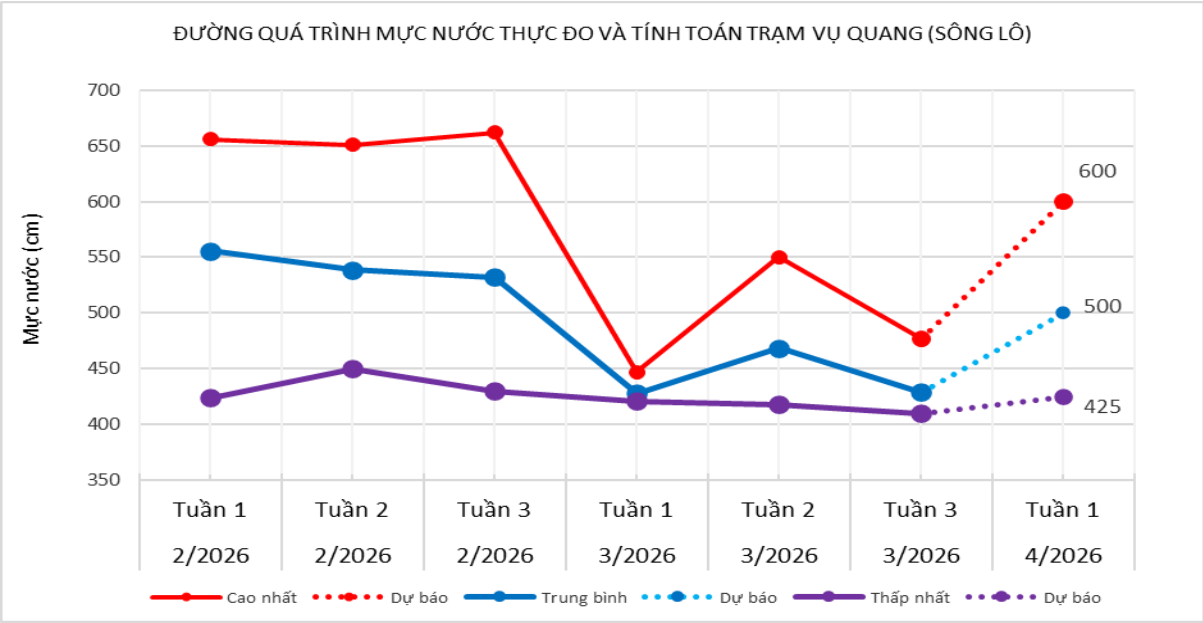
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 11 ngày qua, trên sông Thao mực nước có dao động nhỏ trong thời kỳ đầu, sau biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước có khả năng có dao động.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.





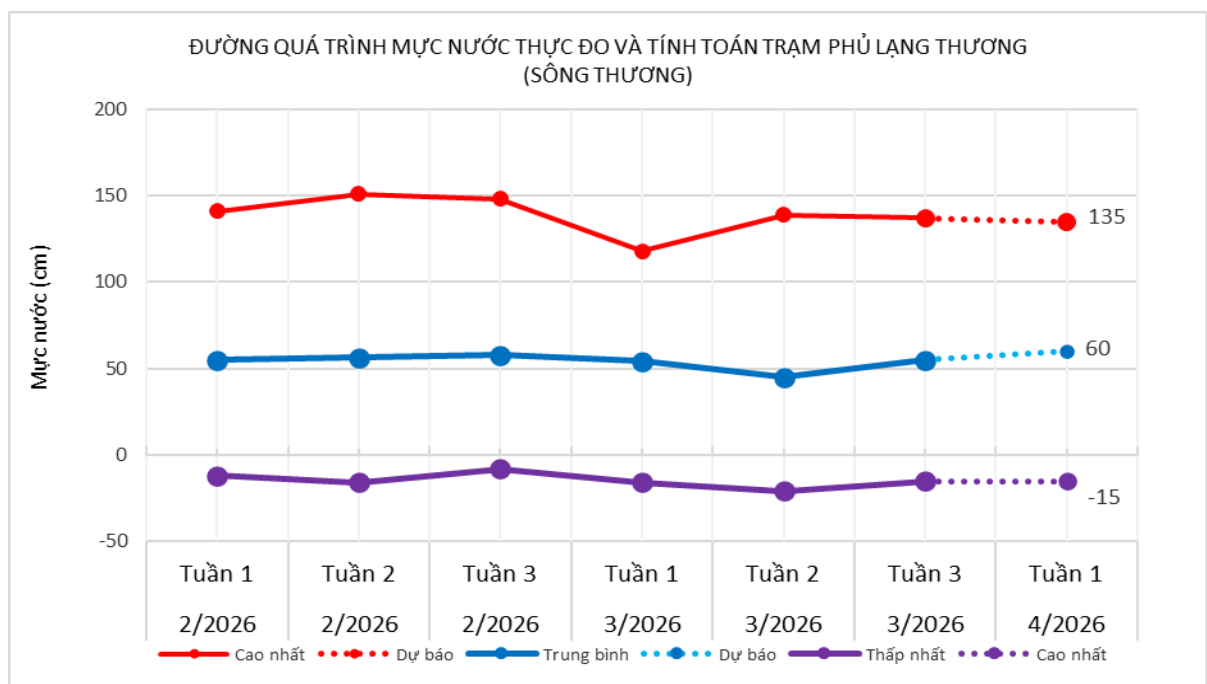
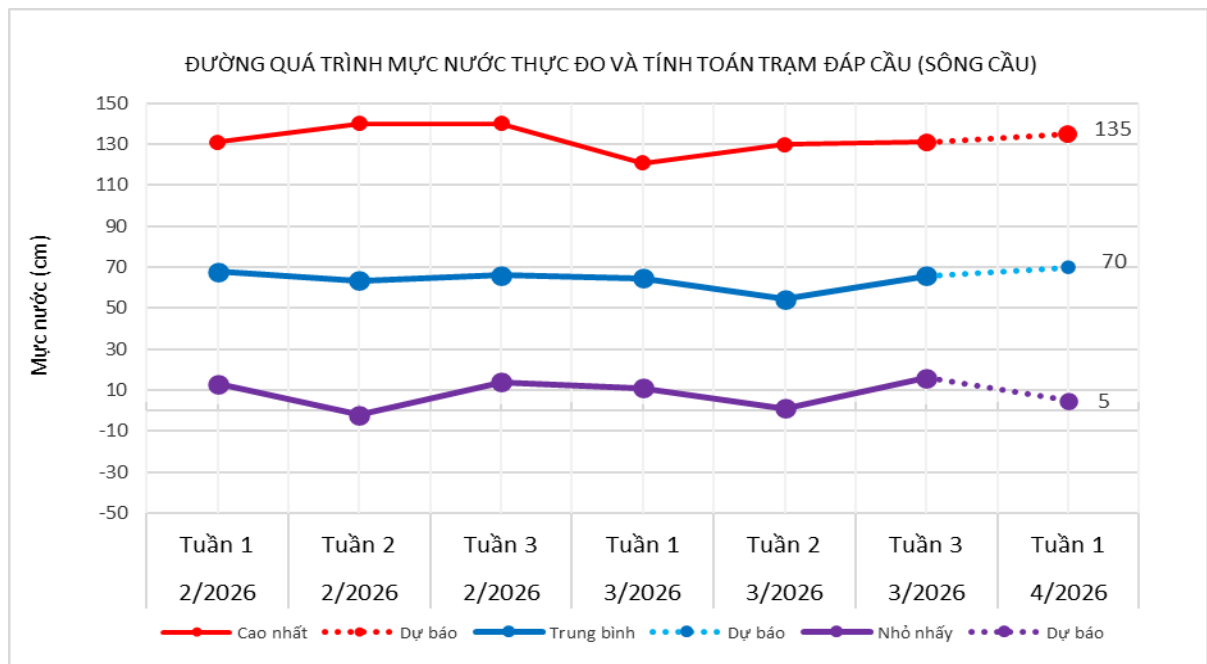
2. Lưu vực sông Thái Bình

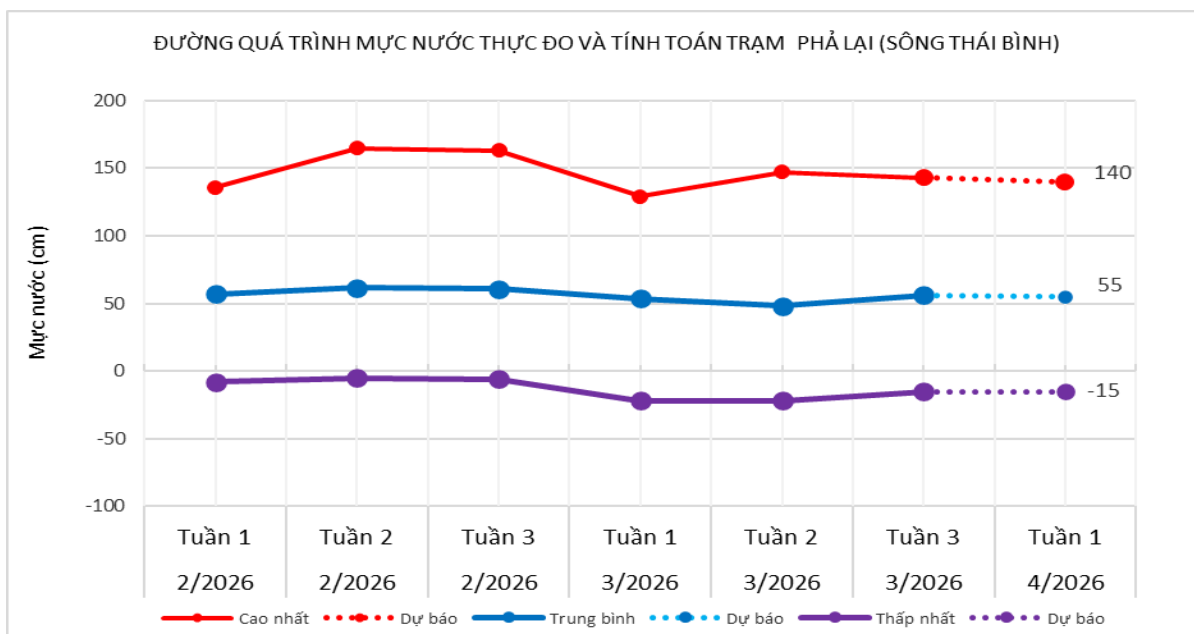
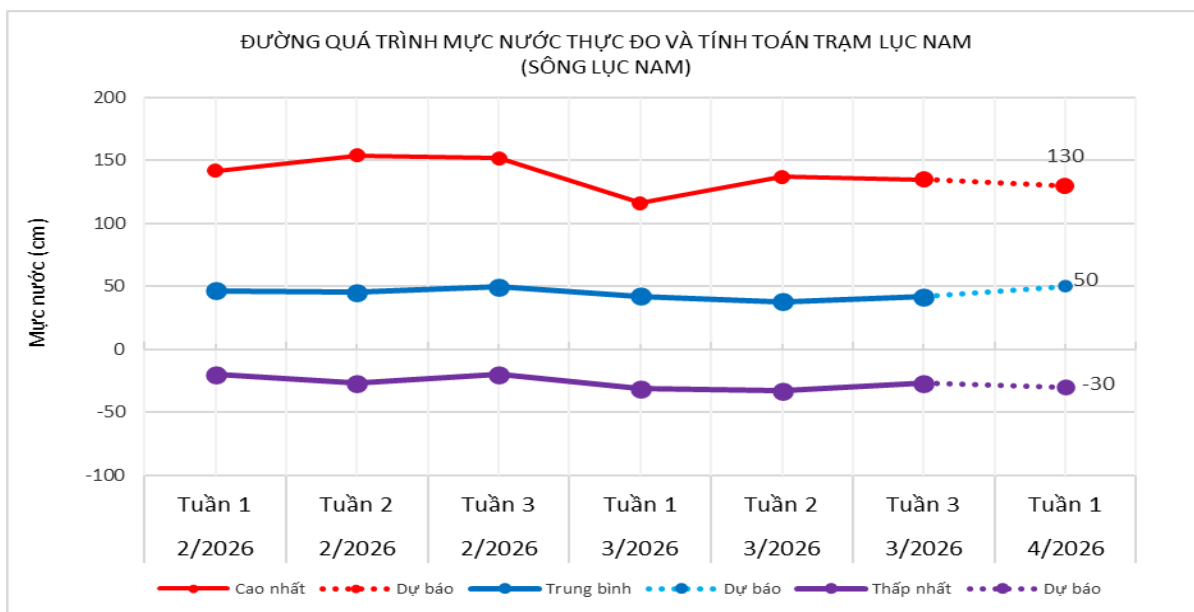
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong 11 ngày qua, trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 10 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

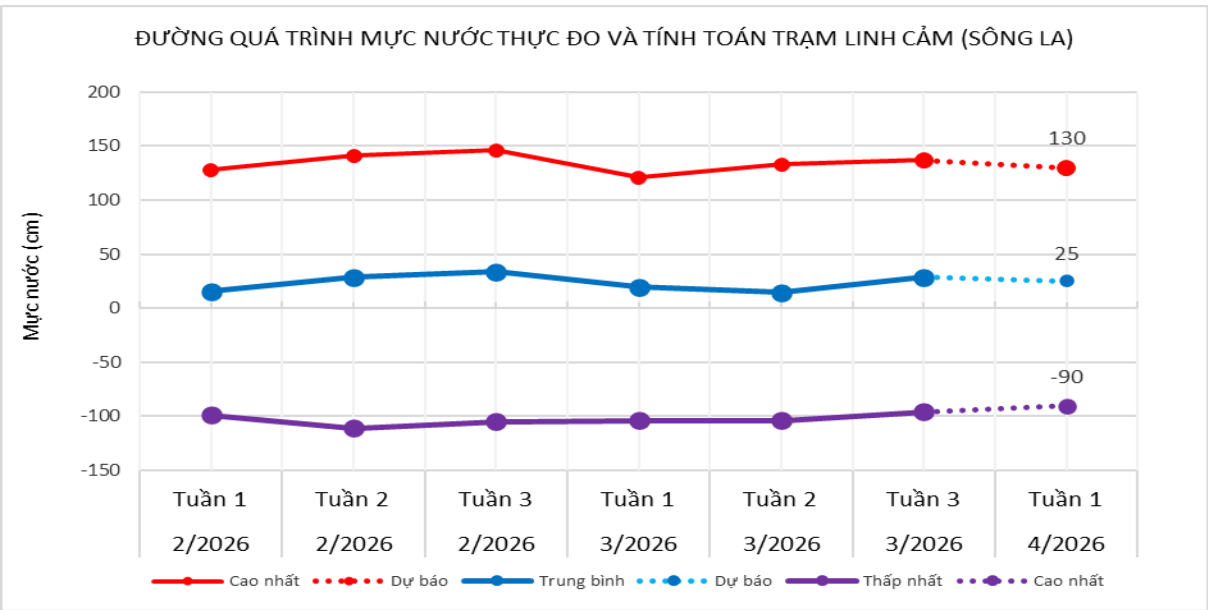
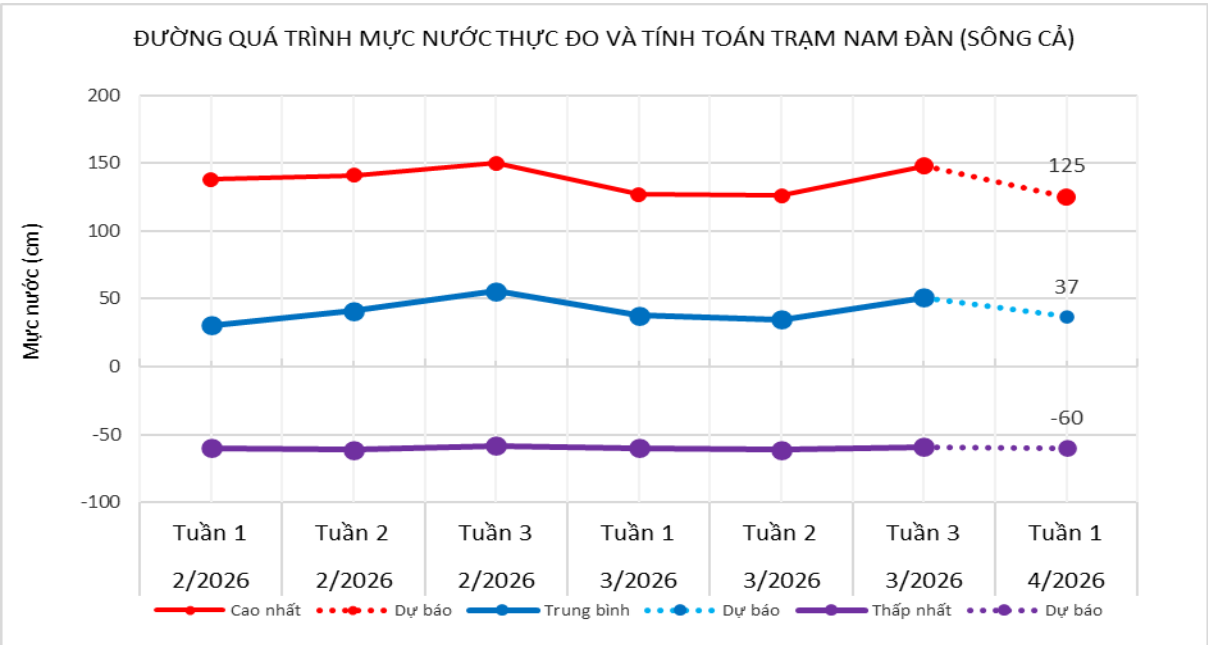
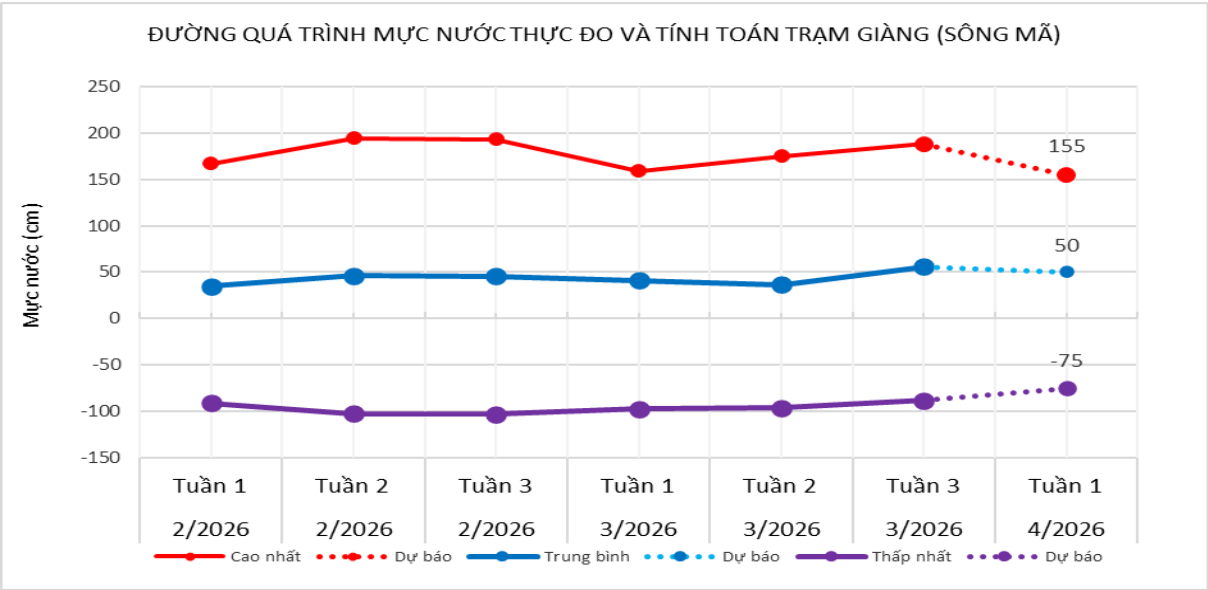
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

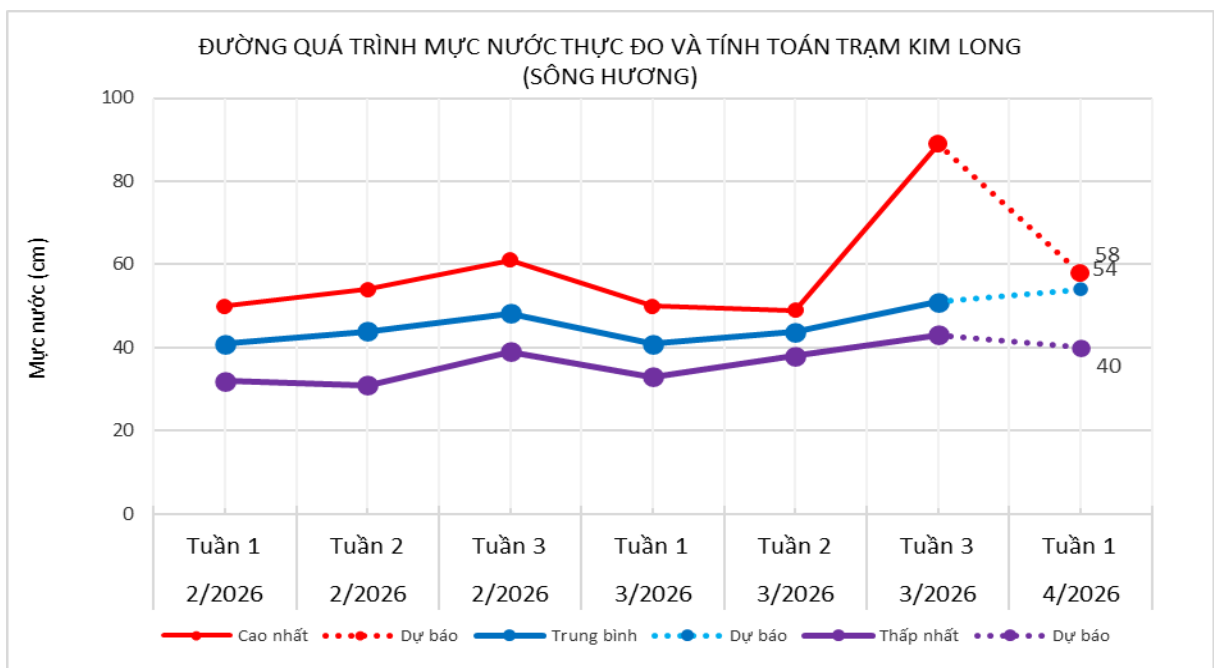
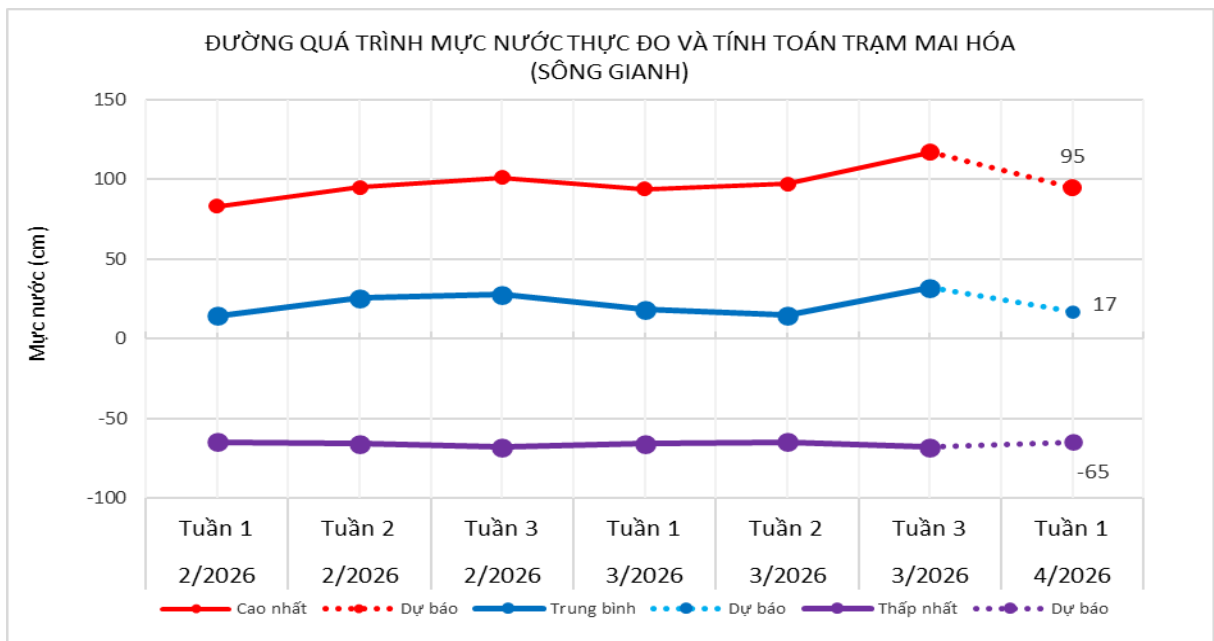
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

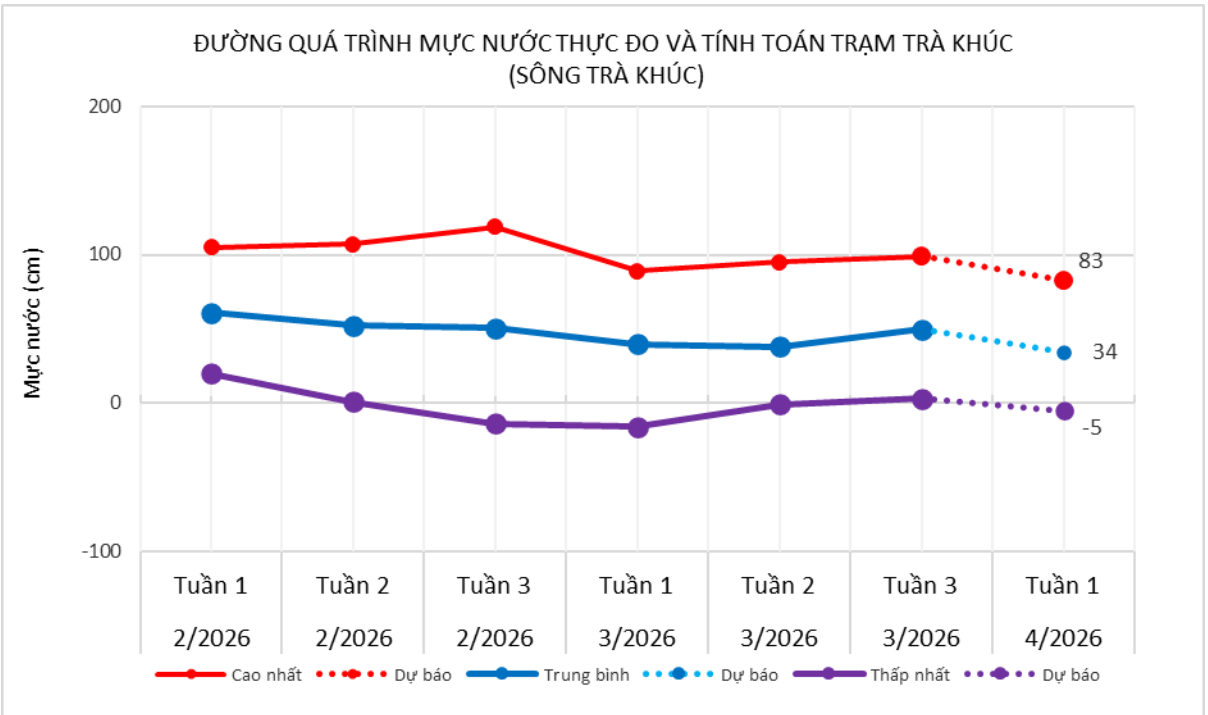
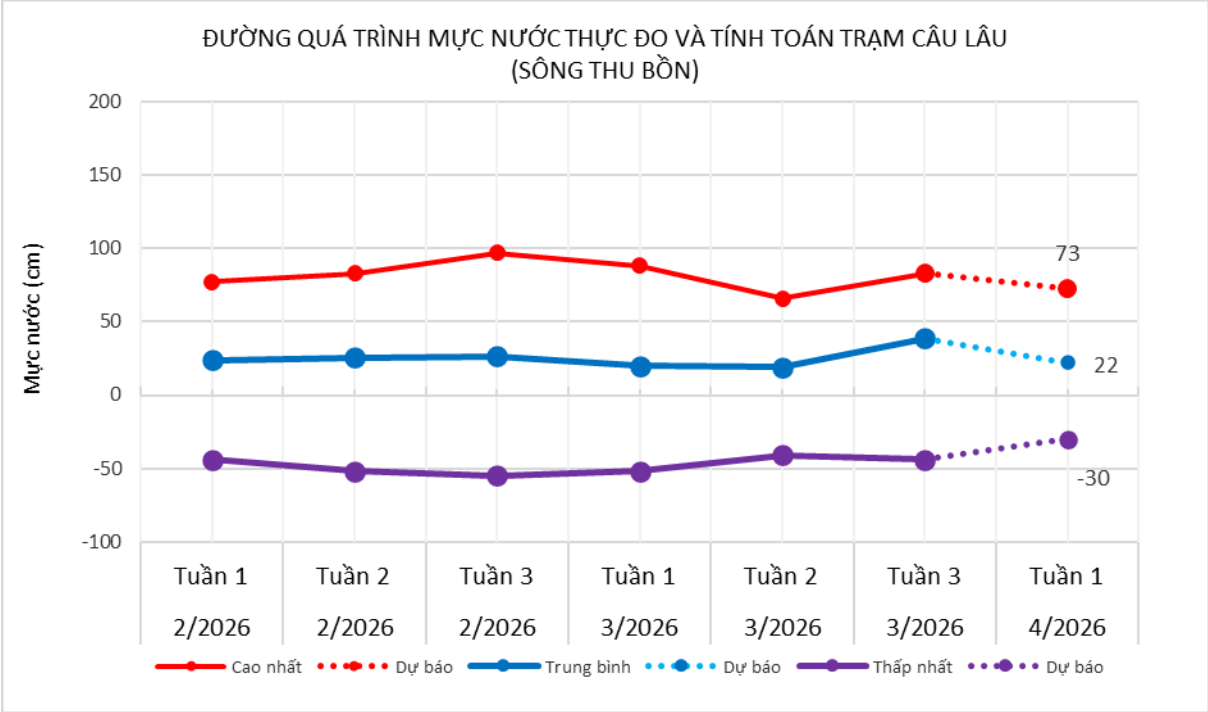
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.

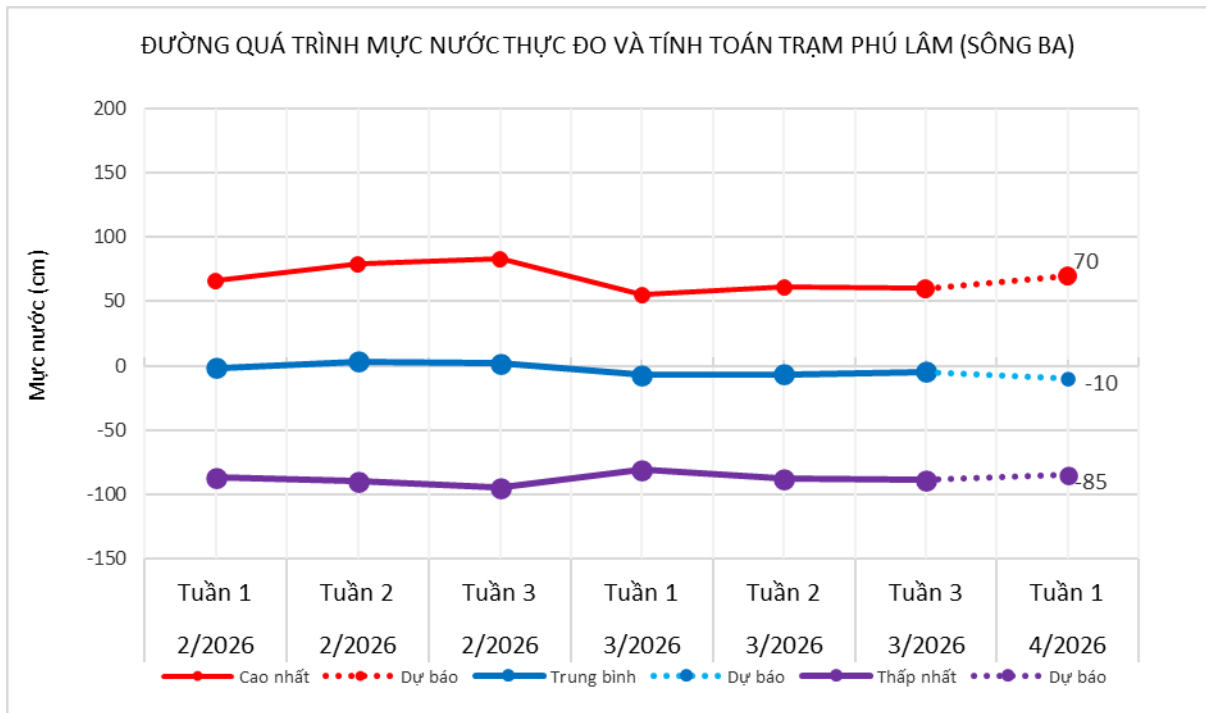
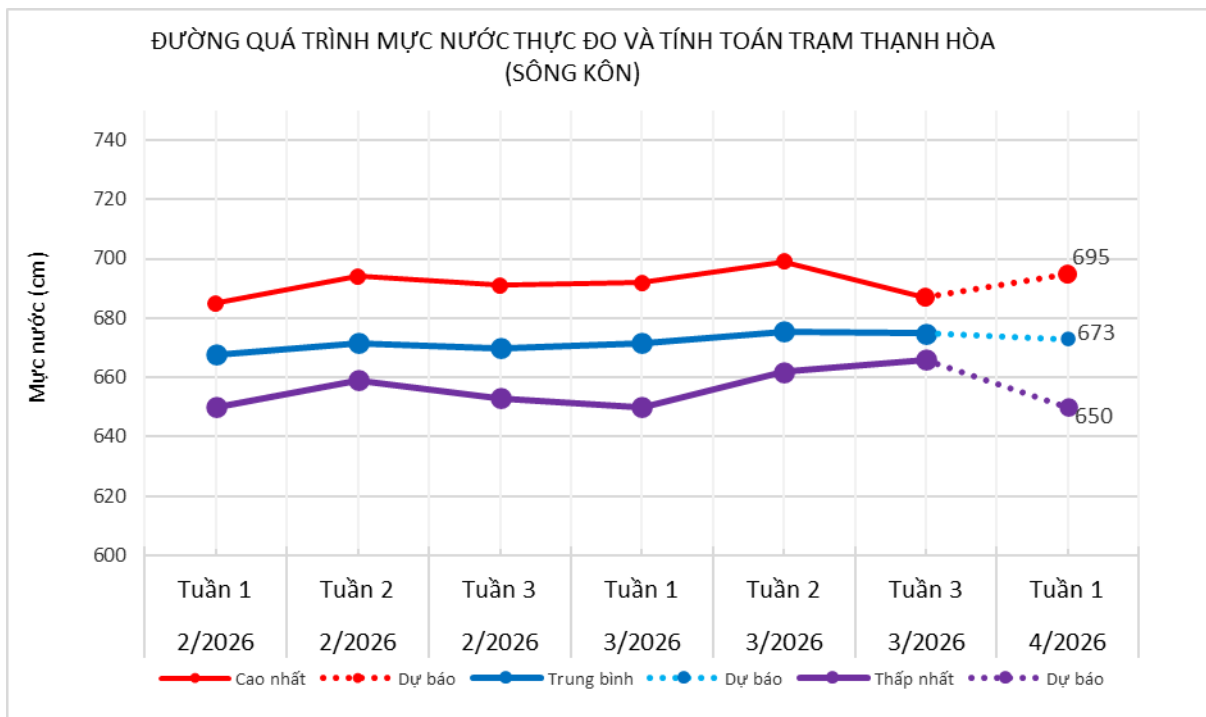
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mức nước trên các sông biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.

- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.





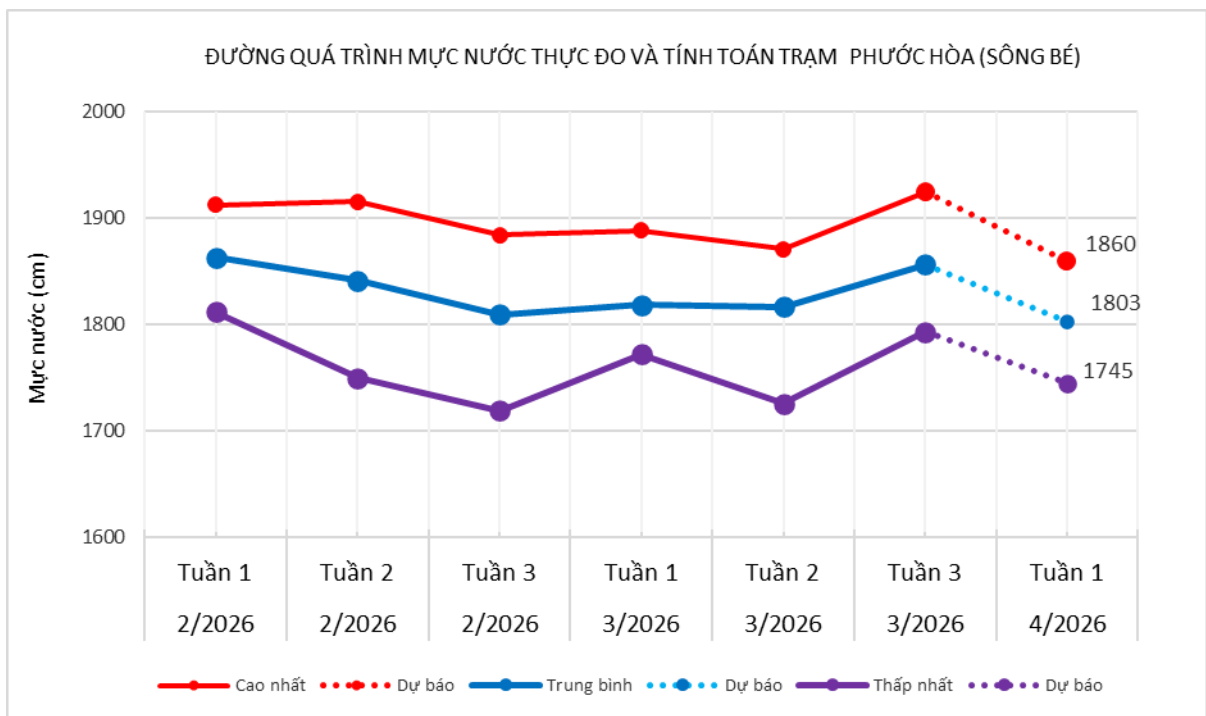
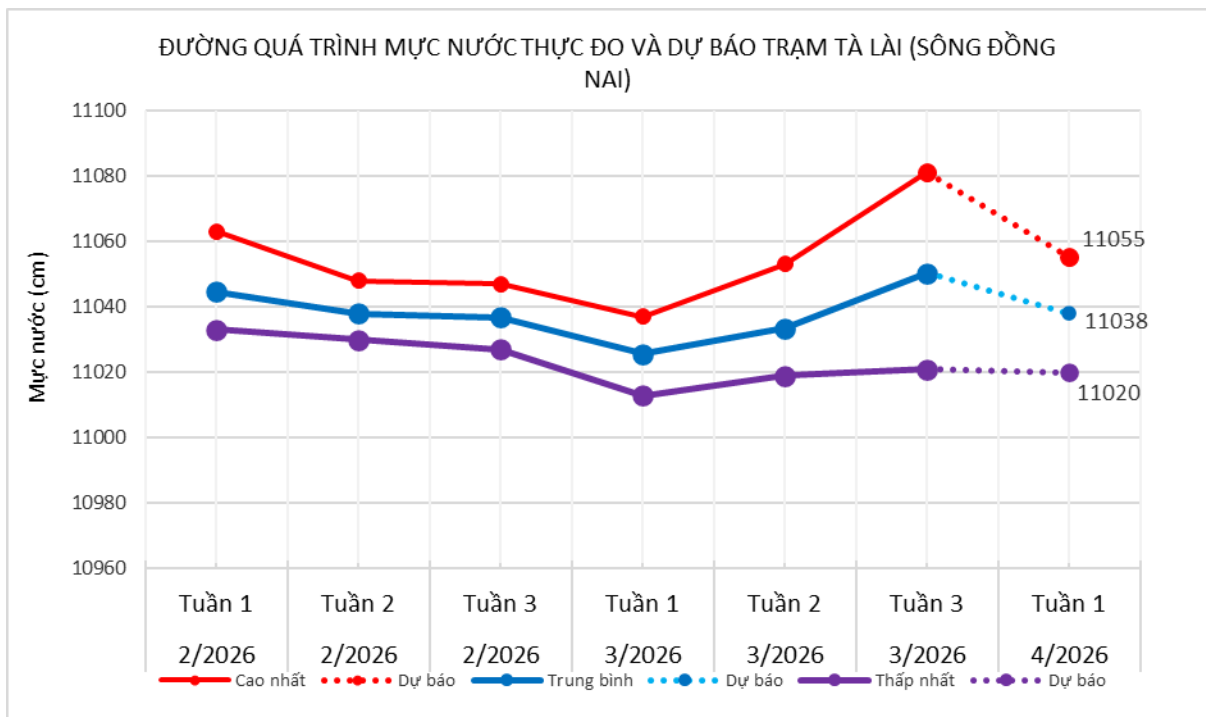
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai và trên sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai sẽ biến đổi chậm, sông Bé tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

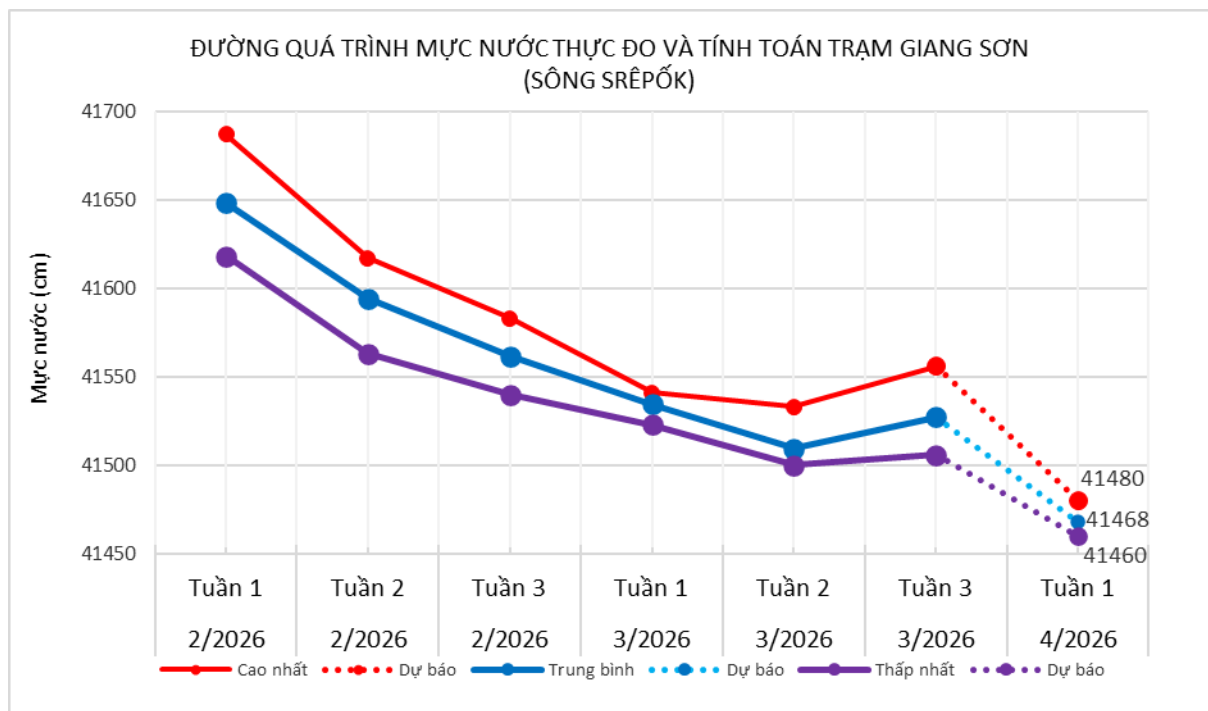
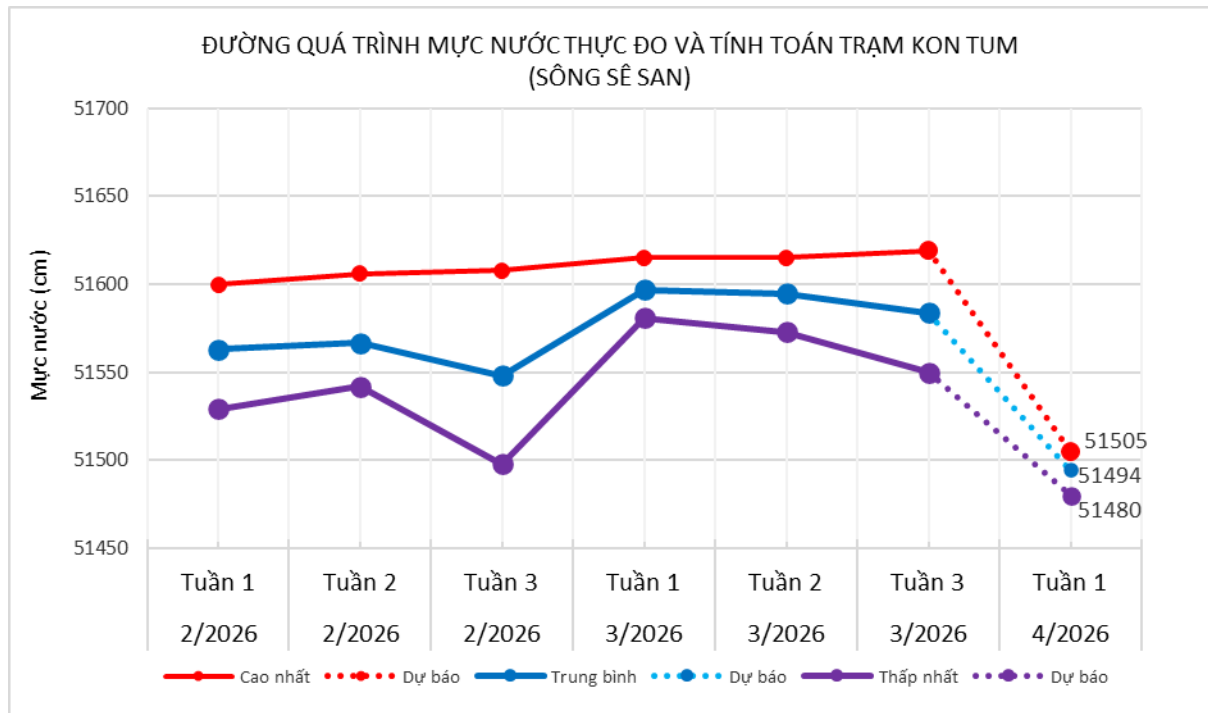
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, mức nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi.

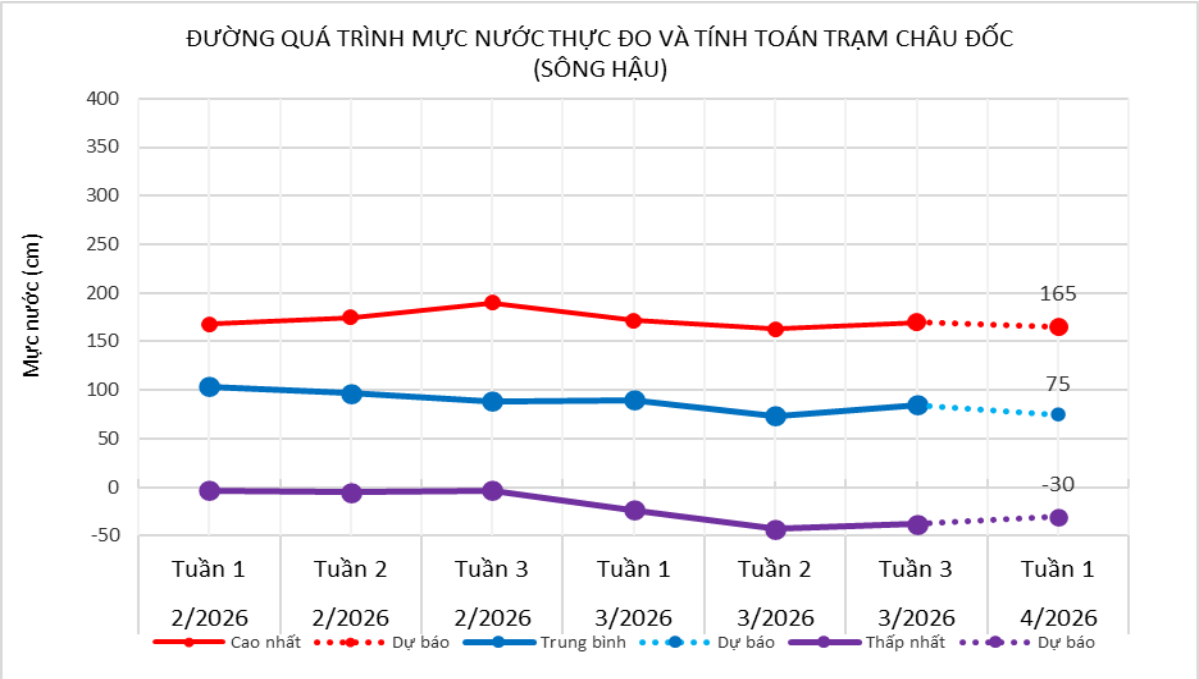
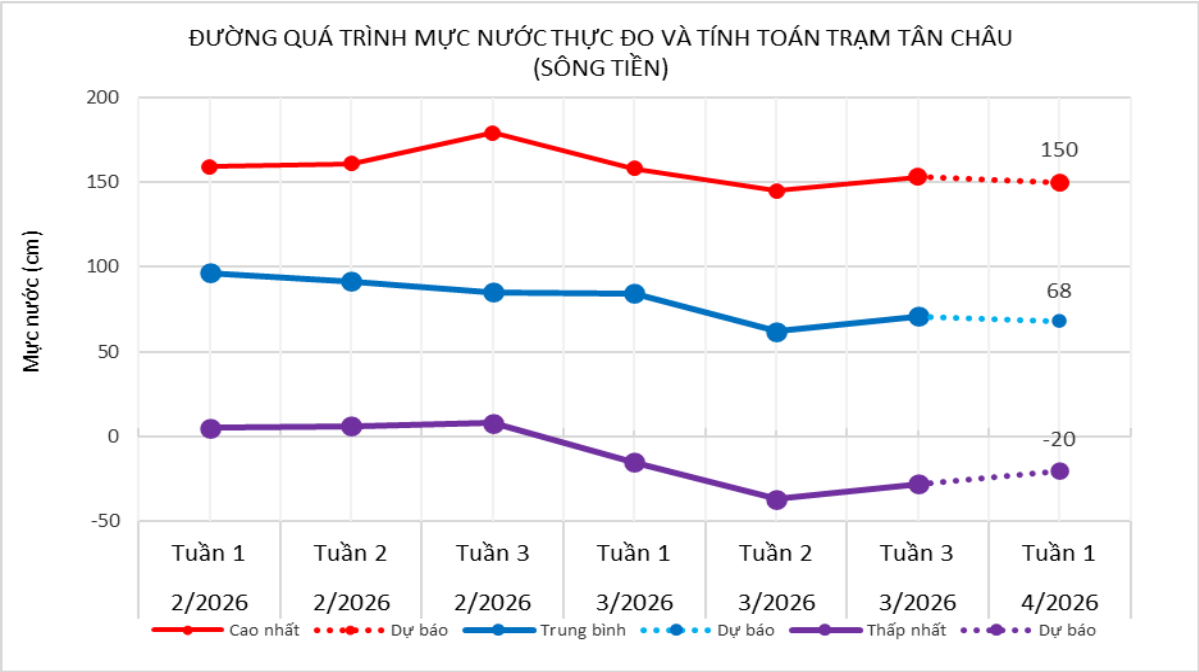
- Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 1,50m là (ngày 22/3), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,63m (ngày 22/3).

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện. Mức nước trên sông Krông Ana tiếp tục biến đổi chậm theo xu thế xuống.

- Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mức nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,50m, tại Châu Đốc ở mức 1,65m. Trong 05 ngày tiếp theo, mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 11/04/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	813	2575	40	800	2300	40	760	2200	40	780	2300	40
Thao	Yên Bái	2314	2358	2290	2340	2400	2280	2320	2380	2260	2330	2400	2260
Thao	Phú Thọ	1071	1115	1039	1060	1090	1030	1050	1080	1020	1055	1090	1020
Lô	Tuyên Quang	1238	1364	1108	1230	1370	1110	1260	1380	1120	1245	1380	1110
Lô	Vụ Quang	490	586	424	490	580	425	510	600	430	500	600	425
Cầu	Đáp Cầu	66	122	10	65	125	5	75	135	10	70	135	5
Thương	Phủ Lạng Thương	61	132	-16	55	125	-10	65	135	-15	60	135	-15
Lục Nam	Lục Nam	47	125	-28	45	120	-30	55	130	-30	50	130	-30
Hồng	Hà Nội	109	174	42	110	175	40	110	180	45	110	180	40
Thái Bình	Phả Lại	57	136	-11	45	105	-10	60	140	-15	55	140	-15
Mã	Giàng	47	167	-100	48	145	-60	52	155	-75	50	155	-75
Cả	Nam Đàn	35	131	-70	35	115	-50	39	125	-60	37	125	-60
La	Linh cảm	19	124	-107	23	120	-70	27	130	-90	25	130	-90

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Gianh	Mai Hóa	16	112	-68	13	82	-50	20	95	-65	17	95	-65
Hương	Kim Long	48	53	38	53	55	43	55	58	40	54	58	40
Thu Bồn	Câu Lâu	28	68	-34	24	70	-30	20	73	-25	22	73	-30
Trà Khúc	Trà Khúc	41	92	-25	35	83	-5	32	78	2	34	83	-5
Kôn	Thanh Hòa	673	686	665	670	690	660	675	695	650	673	695	650
Đà Rằng	Phú Lâm	-8	62	-80	-12	60	-70	-8	70	-85	-10	70	-85
Đăkbla	Kon Tum	51500	51515	51490	51495	51505	51485	51492	51500	51480	51494	51505	51480
Krông Ana	Giang Sơn	41479	41491	41471	41470	41480	41465	41465	41475	41460	41468	41480	41460
Đồng Nai	Tà Lài	11041	11069	11018	11040	11055	11025	11035	11050	11020	11038	11055	11020
Bé	Phước Hòa	1806	1867	1744	1805	1860	1750	1800	1855	1745	1803	1860	1745
Tiền	Tân Châu	70	150	-29	70	150	-10	65	145	-20	68	150	-20
Hậu	Châu Đốc	74	163	-44	80	165	-20	70	155	-30	75	165	-30